

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LÀO CAI  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/HS-ST  
Ngày 17-10-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Lanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lù Văn Kết; Bà Đào Thị Thu Hoài

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 81/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo.

Họ và tên: **Nguyễn Thị D** - Sinh ngày 30 tháng 11 năm 1988 tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ng, xã Ph, huyện Kh, tỉnh Hưng Yên;

Nơi đăng ký tạm trú: Tổ 29, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thế Đ và bà Phan Thị V. Bị cáo có chồng là Phạm Văn Đ (đã ly hôn) và 03 con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú “Có mặt”.

- *Bị hại:* Công ty tài chính TNHH một thành viên H

Địa chỉ: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà P, số 20 Ng, phường Th, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dmitry M - Chức danh: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ - Chức vụ: Chuyên viên an ninh Công ty. Theo giấy ủy quyền số 110/2018/GUQ-SE ngày 06/3/2018 “Có mặt”.

- *Những người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Thị Q

Nơi cư trú: Khu đô thị T, C, Th, thành phố Hà Nội. “Vắng mặt”

+ Chị Hoàng Thị Ng

Nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai. “Vắng mặt”

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7/2016, Nguyễn Thị D nhặt được chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Hoàng Thị Ng. Đến ngày 22/7/2016 Nguyễn Thị D đã thay ảnh của mình vào chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của Hoàng Thị Ng và đến Công ty Cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT có địa chỉ tại số 326, đường N, tổ 22, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai để làm thủ tục mua điện thoại trả góp. Đến nơi Nguyễn Thị D gặp chị Nguyễn Thị Q là nhân viên của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H được chị Q tư vấn, hướng dẫn Nguyễn Thị D nhất trí lấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe đã dán ảnh của Nguyễn Thị D vào để làm thủ tục tại hợp đồng số 3676095423 với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H kỳ hạn vay là 12 tháng, hỗ trợ mua điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A7 có giá 9.990.000 đồng + phí bảo hiểm 561.000 đồng, tổng số tiền là 10.551.000 đồng. Nguyễn Thị D đã trả trước cho Công ty số tiền 1.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 9.551.000 đồng, hàng tháng Nguyễn Thị D phải thanh toán trả góp cho Công ty cả gốc và lãi là 968.000 đồng, sau đó Nguyễn Thị D ký tên Hoàng Thị Ng vào hợp đồng tín dụng và nhận điện thoại di động trên. Sau khi mua được điện thoại di động bằng hình thức trả góp Nguyễn Thị D đã không về nhà mà đến ngay cửa hàng điện thoại di động trên đường Nguyễn Huệ, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai để bán với giá 6.000.000 đồng, số tiền này Nguyễn Thị D đã tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H Nguyễn Thị D đã mang chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của chị Hoàng Thị Ng đã dán ảnh của Nguyễn Thị D về phòng trọ cất. Đến tháng 8/2016 do mưa lũ nên đã bị trôi tài sản trong đó có chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Hoàng Thị Ng có dán ảnh Nguyễn Thị D, sau đó Nguyễn Thị D không thuê nhà nữa mà chuyển về sinh sống tại tổ 29, phường B, thành phố L với mục đích trốn không trả nợ tiền cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H theo hợp đồng đã ký kết.

Tại kết luận định giá tài sản số 17 ngày 04/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Lào Cai, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A7 tại thời điểm ngày 21/7/2016 với giá trị 9.990.000 đồng

Tại kết luận giám định. Số 32/GĐTL ngày 29/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Các chữ ký “Nguyễn” trên tài liệu ký hiệu A với

chữ ký của Hoàng Thị Ng trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không cùng dạng nên không so sánh; Các dòng chữ viết họ tên mang tên Hoàng Thị Ng trên các tài liệu ký hiệu A với chữ viết của Hoàng Thị Ng trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người viết ra; Các dòng chữ viết họ tên mang tên Hoàng Thị Ng trên tài liệu ký hiệu A với chữ viết của Nguyễn Thị D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M3 đến M5 do cùng một người viết ra.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình

Cáo trạng số 84/CT-VKSTPLC ngày 12/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai truy tố bị cáo Nguyễn Thị D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ thực hiện hành vi của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xử phạt bị cáo với mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng . Không phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải bồi thường cho Công ty tài chính TNHH một thành viên H số tiền là 12.266.000 đồng.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị D: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người chứng kiến, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Khoảng đầu tháng 7/2016, Nguyễn Thị D nhặt được chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Hoàng Thị Ng. Ngày 22/7/2016 Nguyễn Thị D đã thay ảnh của mình vào chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của chị Hoàng Thị Ng

và đến Công ty Cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT có địa chỉ tại số 326, đường N, tổ 22, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai để làm thủ tục mua điện thoại trả góp. Tại đây Nguyễn Thị D lấy tên Hoàng Thị Ng ký hợp đồng số 3676095423 với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H kỳ hạn vay là 12 tháng, hỗ trợ mua điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A7 có giá 9.990.000 đồng + phí bảo hiểm 561.000 đồng, tổng số tiền là 10.551.000 đồng. Nguyễn Thị D đã trả trước cho Công ty số tiền 1.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 9.551.000 đồng, hàng tháng Nguyễn Thị D phải thanh toán trả góp cho Công ty cả gốc và lãi là 968.000. Sau khi mua được điện thoại bị cáo Dung bán với giá 6.000.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết. Sau đó Nguyễn Thị D không trả nợ tiền cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H theo hợp đồng đã ký kết.

Như vậy, với hành vi gian dối sử dụng chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị Ng dán ảnh của mình để ký hợp đồng mua điện thoại trả góp mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản. Nguyễn Thị D đã chiếm đoạt số tiền 9.551.000 đồng của Công ty tài chính TNHH một thành viên H như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 174 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây ảnh hưởng sâu đến trật tự trị an tại địa phương, vì vậy cần phải xét xử một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải vì vậy cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[5] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Bị cáo có nhân thân tốt, đang nuôi ba con nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào điều 65 của Bộ luật Hình sự, hướng dẫn tại nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét thấy cần cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, các bị cáo là người lao động tự do, không có việc làm ổn định, không có tài sản, thu nhập gì lớn lại nuôi ba con nhỏ. Vì vậy Hội đồng xét xử định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền đã chiếm đoạt

của Công ty 9.551.000 đồng tiền gốc và 2.715.000 đồng tiền lãi . Bị cáo Nguyễn Thị D nhất trí bồi thường vì vậy cần chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của bị hại

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; Điều h, i, s khoản 1 điều 51; điều 65 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18(mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách của án treo: “Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự ; khoản 1 điều 48 Bộ luật Hình sự ; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự : Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Thị D nhất trí bồi thường cho Công ty tài chính TNHH một thành viên H số tiền 12.266.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường, hàng tháng bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 613.300 đồng (Sáu trăm mười ba nghìn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, TP;
- Công an TP 3;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại
- T.H.A 2;
- Lưu

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Tuyết Lanh**